

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-02-2024

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình,
ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Tấn Phước;

2. Ông Phan Phước Tân;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Thành L, sinh năm: 1984; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Bà Trần Thị Kim H, sinh năm: 1986; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang;

(Ông Lê Thành L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Trần Thị Kim H vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2023 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Lê Thành L trình bày: Quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H do mai mối và được cha mẹ H bên đồng ý tiến tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang vào năm 2012. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và bà H tự ý bỏ nhà đi từ năm 2013. Ông L và bà H đã sống ly thân từ đó cho đến nay đã 10 năm. Nay, ông Lê Thành L yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Kim H.

Về con chung: Ông và bà H có một con chung Lê Hồng N, sinh ngày 30/10/2013. Hiện cháu N đang sống chung với ông. Khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H không có mặt theo các văn bản triệu tập của Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến; bà H cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công KH trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Theo Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ngày 21/12/2023 của Công an xã P, huyện A cho biết: Bà Trần Thị Bé H, sinh năm 1988 có nơi thường trú tại: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Theo biên bản ghi nhận lời KH người thân của ông Lê Thành L trình bày phù hợp với lời trình bày của ông L, hiện ông L và bà H không còn sống chung với nhau.

Theo Biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 19/12/2023, cháu Lê Hồng N có nguyện vọng tiếp tục sống cùng ông L sau khi ông L và bà H ly hôn.

Tại phiên tòa, ông L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng bà H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ H nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà Trần Thị Kim H

vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của ông L, kết quả xác minh và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa ông L và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị giao cháu Lê Hồng N cho ông L trực tiếp nuôi dạy, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Thành L khởi kiện xin ly hôn với bà Trần Thị Kim H và ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Xác định quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, con chung”. Bị đơn Trần Thị Kim H cư trú tại ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông Lê Thành L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bà Trần Thị Kim H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ H tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của ông L xin ly hôn với bà H, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa ông L và bà H đã lâu nhưng cả H không có giải pháp hàn gắn, điều này phù hợp với các biên bản làm việc với người làm chứng, người cho ý kiến mà Tòa án thu thập được. Đồng thời gia đình H bên không có hàn gắn cho ông L và bà H về chung sống lại với nhau. Xét thấy mâu thuẫn ông L và bà H đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông L và bà H có một con chung tên Lê Hồng N, sinh ngày 30/10/2013 hiện cháu Hồng N đang được ông L nuôi dạy. Xét thấy, cháu N đã sống cùng L từ trước cho đến nay, tình cảm đã thật sự gắn bó, cháu N cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông L. Do đó, để tránh làm xáo trộn về mặt tâm lý đối với con chung và đảm bảo quyền L về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông L tiếp tục nuôi dạy con chung Lê Hồng N.

[2.3] Về cấp dưỡng: Ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này của ông L.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Lê Thành L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà Trần Thị Kim H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lê Thành L.

1. Về hôn nhân: Ông Lê Thành L được ly hôn với bà Trần Thị Kim H.

2. Về con chung: Ông Lê Thành L được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lê Hồng N, sinh ngày 30/10/2013.

Công nhận sự tự nguyện của ông Lê Thành L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Thành L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Huỳnh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được L dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con.

Vì L ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Ông Lê Thành L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông L

đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo Biên lai thu số 0009086 ngày 16/11/2023. (Ông L đã nộp đủ).

Bà Trần Thị Kim H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án tuyên vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết ông L và bà H được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã P (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Việt Quốc